

BIỂU PHÍ VỀ MỨC GIÁ DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ, ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Quyết định số: 154 /QĐ-Cty, ngày 31 tháng 12 năm 2015 Của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Tài chính & Giá cả Quảng Nam)

I. Thẩm định giá bất động sản: Đất đai, nhà cửa, nhà xưởng, công trình xây dựng khác

TT	Giá trị thẩm định (Tỷ đồng)	Mức giá (triệu đồng)	Min (triệu đồng)	Max (triệu đồng)
1	Nhỏ hơn 0,50	2,50	2.5	2.5
2	Từ 0,50 đến: 1,00	$2,50 + (G - 500) \times 0,25\%$	2.5	3.75
3	Từ 1,00 đến 2,00	$3,75 + (G - 1.000) \times 0,2\%$	3.75	5.75
4	Từ 2,00 đến 5,00	$5,75 + (G - 2.000) \times 0,15\%$	5.75	10.25
5	Từ 500 đến 10,00	$10,25 + (G - 5.000) \times 0,13\%$	10.25	16.75
6	Từ 10,00 đến 15,00	$16,75 + (G - 10.000) \times 0,11\%$	16.75	22.25
7	Từ 15,00 đến 20,00	$22,25 + (G - 15.000) \times 0,09\%$	22.25	26.75
8	Tu 20,00 den 30,00	$26,75 + (G - 20.000) \times 0,08\%$	26.75	34.75
9	Từ 30,00 đến 40,00	$34,75 + (G - 30.000) \times 0,07\%$	34.75	41.75
10	Từ 40,00 đến 50,00	$41,75 + (G - 40.000) \times 0,06\%$	41.75	47.75
11	Từ 50,00 đến 60,00	$47,75 + (G - 50.000) \times 0,055\%$	47.75	53.25
12	Từ 60,00 đến 70,00	$53,25 + (G - 60.000) \times 0,05\%$	53.25	58.25
13	Từ 70,00 đến 80,00	$58,25 + (G - 70.000) \times 0,045\%$	58.25	62.75
14	Từ 80,00 đến 90,00	$62,75 + (G - 80.000) \times 0,040\%$	62.75	66.75
15	Tu 90,00 den 100,00	$66,75 + (G - 90.000) \times 0,038\%$	66.75	70.55
16	Từ 100,00 đến 120,00	$70,55 + (G - 100.000) \times 0,036\%$	70.55	77.75

17	Từ 120,00 đến 140,00	$77,75 + (G - 120.000) \cdot 0,034\%$	77.75	84.55
18	Từ 140,0 đến 160,00	$84,55 + (G - 140.000) \cdot 0,033\%$	84.55	91.15
19	Từ 160,00 đến 180,00	$91,15 + (G - 160.000) \cdot 0,032\%$	91.15	97.55
20	Từ 180,00 đến 200,00	$97,55 + (G - 180.000) \cdot 0,031\%$	97.55	103.75
21	Từ 200,00 trở lên	$103,75 + (G - 200.000) \cdot 0,030\%$	103.75	148.75
22	Từ 350,00 trở lên	Thỏa thuận		

II. Thẩm định giá động sản: Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải

TT	Giá trị thẩm định (Tỷ đồng)	Mức giá (triệu đồng)	Min (triệu đồng)	Max (triệu đồng)
1	Nhỏ hơn 0,30	2,00	2	2
2	Từ 0,30 đến 0,50	$2 + (G - 300) \cdot 0,45\%$	2	2.9
3	Từ 0,50 đến 1,00	$2,9 + (G - 500) \cdot 0,4\%$	2.9	4.9
4	Từ 1,00 đến 2,00	$4,9 + (G - 1.000) \cdot 0,25\%$	4.9	7.4
5	Từ 2,00 đến 5,00	$7,4 + (G - 2.000) \cdot 0,2\%$	7.4	13.4
6	Từ 5,00 đến 10,00	$13,4 + (G - 5.000) \cdot 0,18\%$	13.4	22.4
7	Từ 10,00 đến 15,00	$22,4 + (G - 10.000) \cdot 0,15\%$	22.4	29.9
8	Từ 15,00 đến 20,00	$29,9 + (G - 15.000) \cdot 0,12\%$	29.9	35.9
9	Từ 20,00 đến 30,00	$35,9 + (G - 20.000) \cdot 0,10\%$	35.9	45.9
10	Từ 30,00 đến 40,00	$45,9 + (G - 30.000) \cdot 0,09\%$	45.9	54.9
11	Từ 40,00 đến 50,00	$54,9 + (G - 40.000) \cdot 0,08\%$	54.9	62.9
12	Từ 50,00 đến 60,00	$62,9 + (G - 50.000) \cdot 0,07\%$	62.9	69.9
13	Từ 60,00 đến 70,00	$69,9 + (G - 60.000) \cdot 0,065\%$	69.9	76.4
14	Từ 70,00 đến 80,00	$76,4 + (G - 70.000) \cdot 0,06\%$	76.4	82.4
15	Từ 80,00 đến 90,00	$82,4 + (G - 80.000) \cdot 0,055\%$	82.4	87.9
16	Từ 90,00 đến 100,00	$87,9 + (G - 90.000) \cdot 0,050\%$	87.9	92.9
17	Từ 100,00 đến 120,00	$92,9 + (G - 100.000) \cdot 0,045\%$	92.9	101.9

18	Từ 120,00 đến 140,00	$101,9 + (G - 120.000) * 0,044\%$	101.9	110.7
19	Từ 140,00 đến 160,00	$110,7 + (G - 140.000) * 0,043\%$	110.7	119.3
20	Từ 160,00 đến 180,00	$119,3 + (G - 160.000) * 0,042\%$	119.3	127.7
21	Từ 180,00 đến 200,00	$127,7 + (G - 180.000) * 0,041\%$	127.7	135.9
22	Từ 200,00 trở lên	$135,9 + (G - 200.000) * 0,040\%$	135.9	6135.9
23	Từ 350,000 trở lên	Thỏa thuận		

III. Thẩm định giá trị thương hiệu, giá trị doanh nghiệp

TT	Giá trị thẩm định (Tỷ đồng)	Mức giá (triệu đồng)	Min (triệu đồng)	Max (triệu đồng)
1	Nhỏ hơn 1,00	5,00	5	5
2	Từ 1,00 đến 2,00	$5,0 + (G - 1.000) * 0,40\%$	5	9
3	Từ 2,00 đến 5,00	$9,0 + (G - 2.000) * 0,30\%$	9	18
4	Từ 5,00 đến 10,00	$18,0 + (G - 5.000) * 0,25\%$	18	30.5
5	Từ 10,00 đến 15,00	$30,5 + (G - 10.000) * 0,2\%$	30.5	40.5
6	Từ 15,00 đến 20,00	$40,5 + (G - 15.000) * 0,15\%$	40.5	48
7	Từ 20,00 đến 30,00	$48,0 + (G - 20.000) * 0,12\%$	48	60
8	Từ 30,00 đến 40,00	$60,0 + (G - 30.000) * 0,10\%$	60	70
9	Từ 40,00 đến 50,00	$70,0 + (G - 40.000) * 0,09\%$	70	79
10	Từ 50,00 đến 60,00	$79,0 + (G - 50.000) * 0,08\%$	79	87
11	Từ 60,00 đến 70,00	$87,0 + (G - 60.000) * 0,075\%$	87	94.5
12	Từ 70,00 đến 80,00	$94,5 + (G - 70.000) * 0,07\%$	94.5	101.5
13	Từ 80,00 đến 90,00	$101,5 + (G - 80.000) * 0,065\%$	101.5	108
14	Từ 90,00 đến 100,00	$108,0 + (G - 90.000) * 0,060\%$	108	114
15	Từ 100,00 đến 120,00	$114,0 + (G - 100.000) * 0,055\%$	114	125

16	Từ 120,00 đến 140,00	$125,0 + (G - 120.000) * 0,054\%$	125	135.8
17	Từ 140,00 đến 160,00	$135,8 + (G - 140.000) * 0,053\%$	135.8	146.4
18	Từ 160,00 đến 180,00	$146,4 + (G - 160.000) * 0,052\%$	146.4	156.8
19	Từ 180,00 đến 200,00	$156,8 + (G - 180.000) * 0,051\%$	156.8	167
20	Từ 200,00 trở lên	$167,0 + (G - 200.000) * 0,050\%$	167	242
21	Từ 350,000 trở lên	Thỏa thuận		